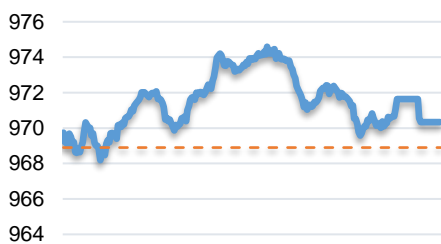


Diễn biến thị trường trong phiên

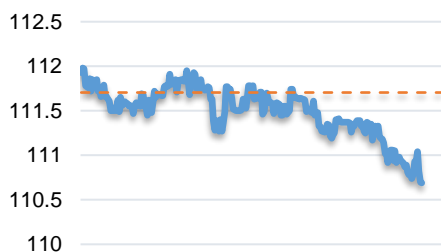
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	970.34	110.69	51.04
% ngày	0.15	(0.91)	0.07
% tuần	(1.94)	(1.87)	(1.58)
% tháng	0.19	2.10	(0.63)
% năm	21.11	6.52	(6.17)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,097.15	515.74	163.51
Hôm qua	2,961.69	524.62	140.30
TB 1 tháng	3,576.98	615.53	200.47
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	712.96	5.66	35.29
Bán	582.17	32.87	33.14
Giá trị ròng	130.79	(27.21)	2.15
Độ rộng TT			
Mã Tăng	127	55	66
Mã Giảm	144	89	80
Không Đổi	82	240	588
Chỉ số chính			
P/E	17.4x	10.5x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,097	195	846
LS Cổ tức	2.20	2.40	4.00

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á trong phiên có sự phân hóa rõ khi đa số các sàn giao dịch đều điểm sắc đỏ như thị trường lớn như Trung Quốc, Taiwan, Hongkong... tuy nhiên vẫn có nhiều thị trường khác vẫn có phiên giao dịch tích cực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia và trong đó có cả Việt Nam. Chỉ số VN-Index vẫn giữ được sắc xanh vào cuối phiên dưới áp lực bán trong phiên ATC khi chỉ số vẫn giữ được mốc 970 điểm và tăng 0.15%. Riêng sàn HNX thì chịu áp lực từ mã ACB khi giảm mạnh 1.8% đã làm chỉ số giảm dưới mốc tham chiếu và đóng cửa ở mức 110.7 điểm

Cổ phiếu trụ hỗ trợ cho chỉ số VN-Index vẫn giữ trên mức tham chiếu trong phiên là VIC tăng giá 2.2% giúp Index cộng thêm hơn 1.5 điểm. Ngoài ra còn các cổ phiếu vốn hóa lớn khác như PLX, VCB, VNM, TCB, GAS, BID, VHM, SAB... Ngược lại trên sàn HSX thì đà tăng vẫn bị kiềm hãm bởi các cổ phiếu MSN, NVL, HPG, FPT... Dòng ngân hàng vẫn có nhiều mã giảm giá trong phiên như ACB, VPB, CTG, MBB...

Với tổng khối lượng giao dịch trên toàn thị trường đạt trị giá khoảng 4,200 tỷ đồng thấp hơn so với giá trị trung bình 20 phiên gần nhất là 5,000 tỷ đồng. Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn chưa tỏ ra lạc quan bất chấp việc thị trường đã có phiên hồi phục mạnh cuối tuần trước.

Nhà đầu tư ngoại mua ròng lượng cổ phiếu với giá trị hơn 130 tỷ đồng trên sàn HSX và chủ yếu dòng vốn ngoại chảy vào các mã như VCB, GEX, SSI, VNM... Trên sàn HNX thì có xu hướng ngược lại khi khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 30 tỷ đồng tại các mã như HAD, TIG, VGC... Cổ phiếu POW vẫn là mã trên sàn Upcom được khối ngoại lựa chọn đầu tư trong thời gian gần đây.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục giảm trong phiên kế tiếp khi áp lực bán có chiều hướng gia tăng ở các mức giá thấp. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, thị trường vẫn có khả năng sẽ xuất hiện các nhịp hồi phục kỹ thuật ngắn hạn trong vài phiên tới cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn cũng nên hạn chế bán tháo ở các nhịp giảm. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy lực cầu tập trung khá nhiều ở vùng giá hỗ trợ 930 – 934 điểm của chỉ số VN30 cho nên đề thị giá của chỉ số này chưa thể xuyên thủng vùng giá hỗ trợ này. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn ở mức cân bằng cho thấy thị trường sẽ tiếp tục có khả năng đi ngang trên vùng giá hỗ trợ 930 – 934 điểm của chỉ số VN30.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 986.13 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 109.93 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên tận dụng nhịp hồi phục để hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và hạn chế bán tháo ở các nhịp giảm.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52% cổ phiếu/48% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.00	GIẢM	GIẢM	17.15	17.16	0.03%			19.58		
ACB	32.80	TĂNG	GIẢM	35.60	32.58	-7.87%			36.35		
ACV	83.50	GIẢM	GIẢM		83.97				95.72		
ANV	19.30	TĂNG	GIẢM	18.90	17.59	2.12%			21.39		
ASM	13.20	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-0.75%			14.14		
BFC	26.20	GIẢM	GIẢM		28.37				28.92		
BHN	83.30	GIẢM	GIẢM		83.53				104.52		
BID	34.00	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	31.78%		33.40	27.33	1.80%	
BMP	56.20	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	0.00%			62.30		
BSR	16.70	GIẢM	GIẢM		17.91				19.99		
BVH	89.50	GIẢM	TĂNG		92.52			86.00	74.55	4.07%	MUA
BWE	18.00	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.69%			19.20		
CEO	12.80	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	-4.48%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.40	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	1.05%		14.39	12.77	0.07%	
CTD	162.30	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	8.56%		161.20	140.04	0.68%	
CTG	26.20	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	9.17%			28.07		
CTI	28.15	GIẢM	GIẢM		30.21				33.12		
CVT	24.10	GIẢM	GIẢM		25.90				29.58		
DCM	10.05	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-1.10%			10.69		
DGW	25.80	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	7.95%			26.51		
DHA	26.90	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.60	GIẢM	GIẢM		40.34				43.77		
DHG	91.90	GIẢM	GIẢM		95.27				106.33		
DPG	50.50	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	23.47%		52.00	38.30	-2.88%	
DPM	17.50	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	37.00	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.33%			39.04		
DQC	28.90	TĂNG	GIẢM	29.55	27.73	-2.20%			30.33		
DRC	26.85	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	3.87%		24.30	22.34	10.49%	
DXG	27.80	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.99	GIẢM	GIẢM		9.18				10.54		
FCN	15.55	GIẢM	TĂNG		16.51			17.70	14.10	-12.15%	
FIT	4.05	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-5.15%			4.98		
FMC	25.05	TĂNG	TĂNG	21.20	23.99	18.16%		24.70	20.29	1.42%	
FPT	42.55	GIẢM	GIẢM		44.10				45.46		
GAS	100.80	TĂNG	TĂNG	101.50	98.03	-0.69%		103.00	83.67	-2.14%	
GEX	28.80	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-4.32%	
GIL	52.70	TĂNG	TĂNG	41.65	49.42	26.53%		34.90	43.69	51.00%	



We Create Fortune

GMD	26.95	TĂNG	GIẢM	25.40	25.68	6.10%			28.65		
GTN	10.60	GIẢM	TĂNG		11.42			11.20	9.83	-5.36%	
HAG	5.90	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	-4.68%	
HAX	16.40	TĂNG	GIẢM	16.40	16.04	0.00%	MUA		18.52		
HBC	21.75	GIẢM	GIẢM		23.36				27.24		
HDB	37.00	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-3.14%			42.32		
HNG	16.50	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	-1.20%		8.20	14.10	101.22%	
HPG	39.20	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	5.38%			42.50		
HSG	10.50	GIẢM	GIẢM		11.16				13.29		
HT1	13.45	TĂNG	TĂNG	11.75	12.36	14.47%		13.00	12.91	3.46%	MUA
HUT	5.00	GIẢM	GIẢM		5.46				6.72		
HVN	37.70	GIẢM	TĂNG		39.79			39.20	31.92	-3.83%	
ITD	11.95	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-3.63%		12.40	11.14	-3.63%	
KBC	11.80	GIẢM	GIẢM		12.41				13.24		
KDH	32.60	TĂNG	GIẢM	30.30	30.34	7.59%			33.01		
KSB	31.40	TĂNG	GIẢM	30.95	30.59	1.45%			33.01		
LCG	9.21	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-2.64%		9.39	8.19	-1.92%	
LDG	14.65	TĂNG	GIẢM	15.00	13.91	-2.33%			15.06		
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.04				43.86		
LPB	9.00	GIẢM	GIẢM		9.49				11.56		
LSS	6.64	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	91.50	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	15.68%		90.60	80.07	0.99%	
MWG	117.40	GIẢM	TĂNG		121.79			121.00	106.33	-2.98%	
NKG	12.60	GIẢM	GIẢM		13.57				16.46		
NLG	30.65	GIẢM	GIẢM		31.54				31.83		
NT2	26.30	GIẢM	GIẢM		26.90				28.69		
NTL	9.66	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.67%		10.45	8.94	-7.56%	
NTP	46.70	GIẢM	GIẢM	46.40	46.73	0.70%	BÁN		51.08		
PAC	40.20	TĂNG	GIẢM	40.20	39.07	0.00%			42.18		
PC1	25.00	GIẢM	GIẢM		26.03				28.95		
PDR	25.30	GIẢM	GIẢM		26.24				29.12		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68		
PHR	24.65	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	12.56%		24.00	21.67	2.71%	
PLX	69.50	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	14.88%		68.00	57.13	2.21%	
PNJ	98.20	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-5.49%	
POW	14.60	TĂNG	TĂNG	13.00	13.31	12.31%		14.10	11.31	3.55%	
PPC	17.95	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.97%			19.21		
PTB	55.00	GIẢM	TĂNG	60.00	57.49	-4.18%	BÁN	64.00	53.16	-14.06%	
PVD	14.80	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-6.03%		16.35	11.96	-9.48%	
PVI	29.20	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-2.34%			33.24		
PVS	20.90	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	22.94%		20.90	16.24	0.00%	
PXS	5.70	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.60	-7.92%	
RAL	88.80	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	-2.42%			100.14		

We Create Fortune

REE	34.45	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-5.36%
SAB	223.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.21%			233.02	
SAM	7.50	TĂNG	GIẢM	7.16	7.13	4.75%			7.59	
SBV	24.90	GIẢM	GIẢM		25.56				28.78	
SCR	9.00	GIẢM	GIẢM		9.45				10.30	
SHI	6.10	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.73%
SJS	18.50	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87	
SKG	21.80	GIẢM	TĂNG		22.66			23.10	20.01	-5.63%
SSI	31.30	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	5.92%			34.19	
STB	11.75	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	4.91%			12.71	
SVC	44.50	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74	
TCB	25.50	GIẢM	GIẢM		26.42				N/A	
TCM	24.00	TĂNG	TĂNG	17.80	22.08	34.83%		21.60	18.06	11.11%
TDH	11.35	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.99%			12.95	
TLH	7.16	GIẢM	GIẢM		7.41				8.20	
TMT	7.13	GIẢM	GIẢM		7.45				7.28	
TNG	12.40	TĂNG	TĂNG	10.80	11.68	14.81%		12.00	10.14	3.33%
TYA	10.35	GIẢM	GIẢM		10.78				12.18	
VCB	62.00	GIẢM	GIẢM		63.68				64.41	
VFG	37.40	GIẢM	TĂNG		37.58			34.39	32.56	8.74%
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	2.79%			21.13	
VHM	104.60	GIẢM	N/A		108.96					
VIB	26.70	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67	
VIC	99.30	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-10.94%
VIP	6.94	GIẢM	GIẢM		7.08				7.29	
VJC	147.40	GIẢM	TĂNG		155.35			156.00	130.21	-5.51%
VNM	127.60	GIẢM	GIẢM		128.96				144.03	
VPB	24.40	GIẢM	GIẢM		26.17				31.61	
VRC	22.90	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	29.01%		19.35	19.40	18.35%
VRE	37.75	GIẢM	GIẢM		38.72				44.98	
VSC	40.00	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	12.68%		35.30	34.91	13.31%
VSH	17.35	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	-0.29%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	970.34	0.15
VN30	943.31	(0.24)
VN Mid	1,005.25	(0.32)
VN Small	807.87	(0.01)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	712.96	
Bán	582.17	
GT rỗng	130.79	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	230	5.9%
HAX	700	4.5%
HAR	260	4.3%
STB	450	4.0%
BMI	700	3.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	(1,450)	-6.9%
OGC	(220)	-6.9%
PTB	(2,700)	-4.7%
MSN	(3,500)	-3.7%
TCH	(800)	-3.1%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	316,928	
VHM	280,287	
VCB	223,062	
VNM	222,208	
GAS	192,926	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	18.10	4.58
FLC	8.96	14.45
OGC	7.45	2.74
ASM	5.65	4.38
GEX	5.38	3.39

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	110.69	(0.91)
HN30	199.03	(1.03)
VNX AllSh	1,359.72	(0.22)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.66	
Bán	32.87	
GT rỗng	(27.21)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	100	8.3%
VIX	400	5.4%
TV2	2,300	1.9%
DGC	500	1.2%
VCG	100	0.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	(2,000)	-7.5%
CEO	(400)	-3.0%
VGC	(500)	-2.6%
MBS	(300)	-1.8%
ACB	(600)	-1.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,907	
VCS	14,144	
SHB	9,866	
PVS	9,336	
VGC	8,250	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	4.69	7.00
PVX	4.09	0.58
ACB	3.15	5.20
TIG	2.76	0.27
SHB	2.62	6.83

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.04	0.07

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.29	
Bán	33.14	
GT rỗng	2.15	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	400	3.9%
POW	500	3.5%
ACV	1,000	1.2%
QNS	100	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	(100)	-0.6%
BSR	(100)	-0.6%
MPC	(200)	-0.5%
VIB	(100)	-0.4%
HVN	(100)	-0.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	181,790	
MCH	53,979	
BSR	51,778	
HVN	47,103	
POW	34,191	

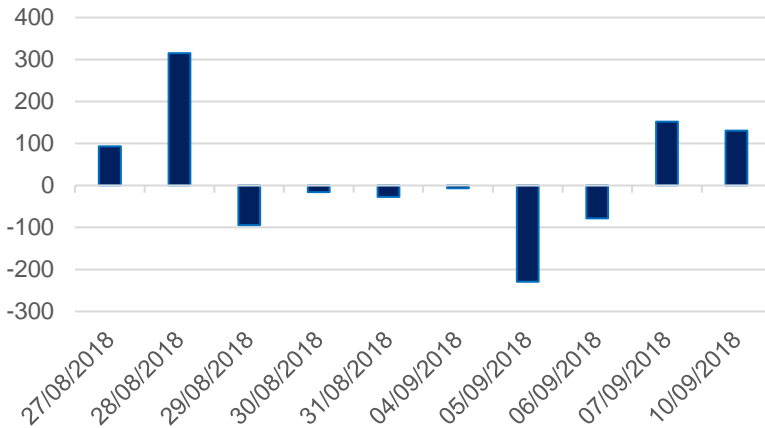
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
POW	4.05	1.42
VGT	1.56	0.53
BSR	1.14	1.92
DLD	0.90	0.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

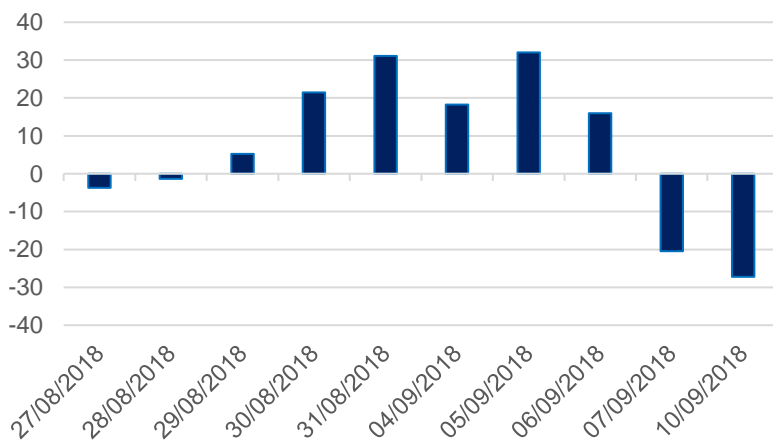
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VCB	55,605	HPG	(18,585)
GEX	41,525	NVL	(15,194)
SSI	27,756	MSN	(13,106)
VNM	26,820	DIG	(7,237)
DXG	23,569	CTI	(7,062)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

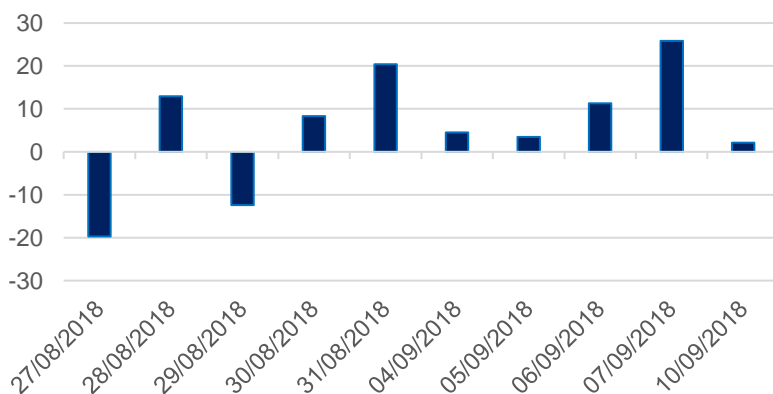
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHB	427	HAD	(12,938)
DBC	233	TIG	(7,598)
PPS	157	VGC	(3,895)
THT	127	PCG	(1,468)
MAS	115	CEO	(1,468)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	27,976	BSR	(10,821)
QNS	1,899	VEA	(10,001)
ACV	682	VGT	(5,146)
HVN	339	MPC	(2,753)
DHD	117	LTG	(348)

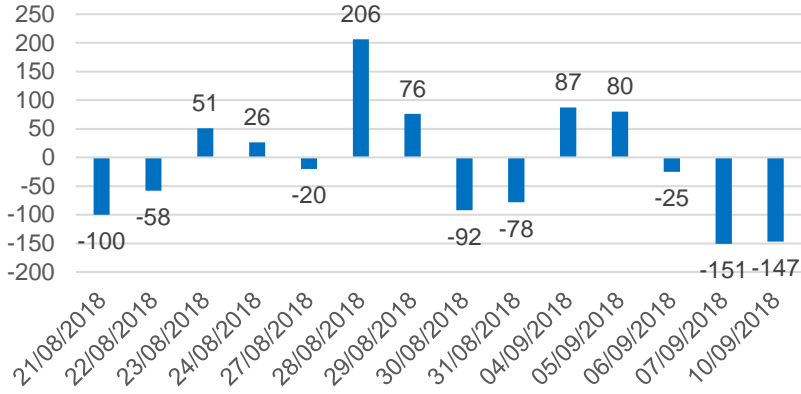
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

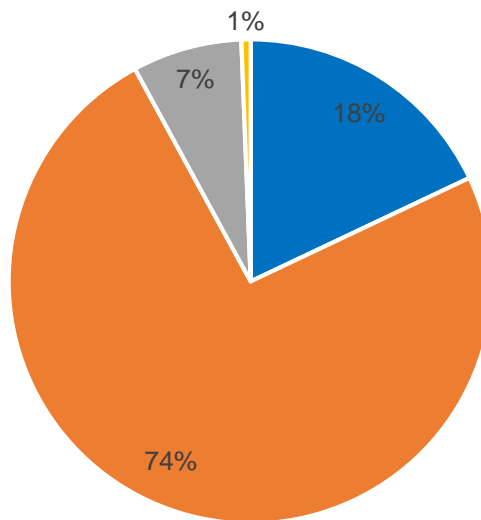


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
NVL	35,538	TTB	42,758
MWG	17,099	NVL	33,352
VIC	12,580	VIC	14,643
SSI	9,406	HPG	9,697
VIC	8,705	MWG	7,559

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



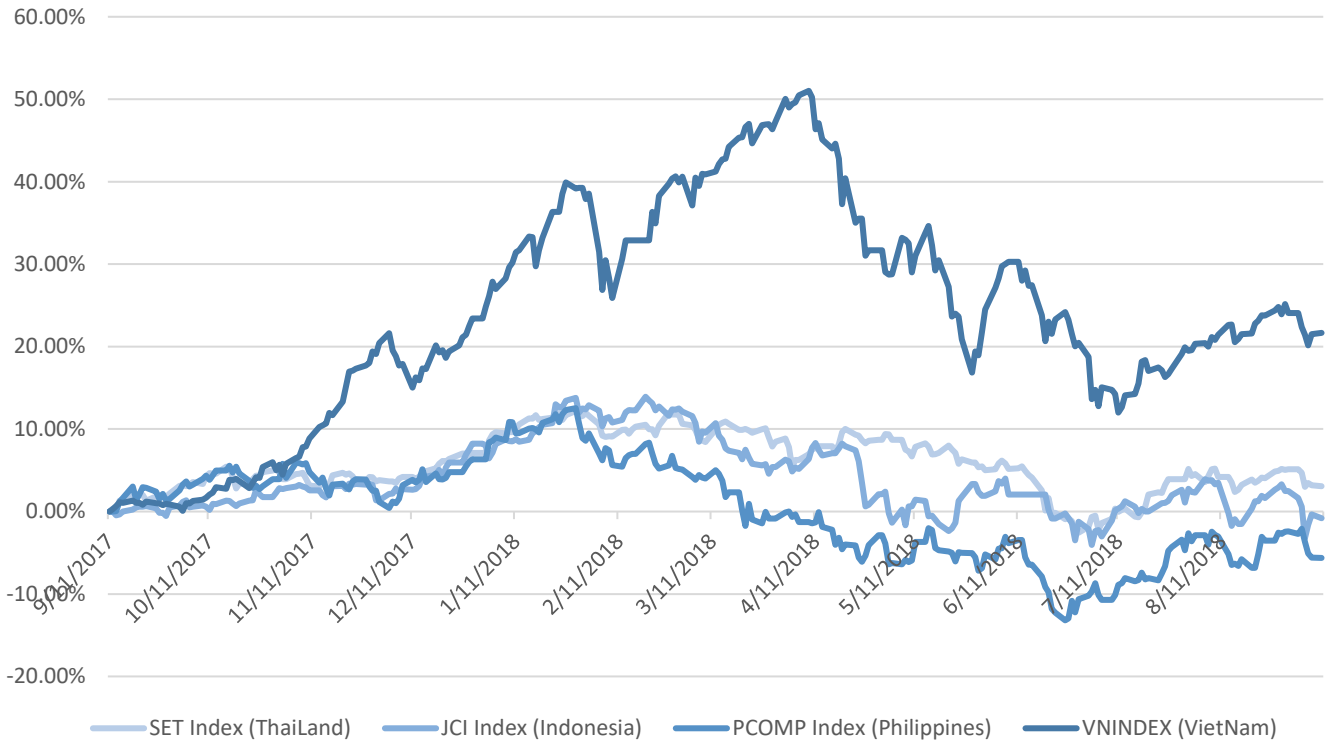
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

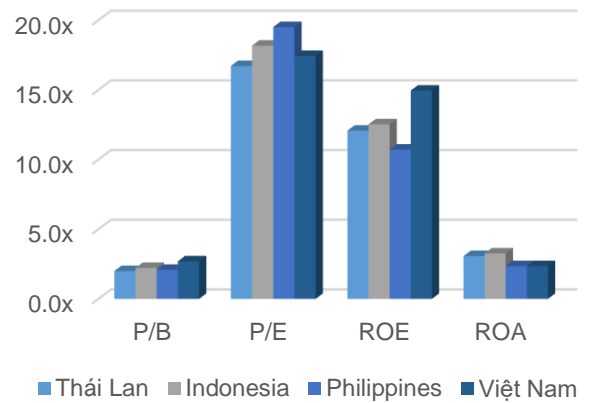
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.7x	18.2x	19.5x	17.4x
ROE	%	12.08	12.53	10.72	14.95
ROA	%	3.08	3.27	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	518.54	444.96	177.25	132.87
GTGD	Triệu USD	0.98	0.34	0.09	0.13
LS cổ tức	%	3.13	2.34	1.55	2.20

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written